

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng (đợt 1)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương cho thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, thành phố Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc thông qua phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc các nguồn vốn ngân sách địa phương, thành

phố Sóc Trăng (đợt 1); Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng (đợt 1) với tổng số vốn là 605.271,900 triệu đồng, gồm:

- Vốn phân cấp ngân sách thành phố: 423.521 triệu đồng với 46 dự án.
- Vốn kết dư ngân sách thành phố: 20.685,900 triệu đồng với 04 dự án.
- Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 161.065 triệu đồng với 13 dự án, trong đó:
 - + Từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết: 146.455 triệu đồng với 12 dự án.
 - + Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất: 14.610 triệu đồng với 01 dự án.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III, IV, V)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khóa XII, kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở KH&ĐT;
- Sở Tài chính;
- TT.Thành ủy;
- TT.HĐND, UBND và UBND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành TP;
(Đảng, chính quyền, đoàn thể)
- TT.HĐND và UBND 10 phường;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Trí

Phụ lục I



**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021 đến năm 2025				Ghi chú
		Số dự án	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
	TỔNG SỐ	63	605.271,900	605.271,900		
1	Nguồn vốn phân cấp ngân sách thành phố	46	423.521,000	423.521,000		
2	Nguồn kết dư ngân sách thành phố	4	20.685,900	20.685,900		
3	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thành phố	13	161.065,000	161.065,000		
3.1	Từ nguồn Xổ số kiến thiết	12	146.455,000	146.455,000		
3.2	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất	1	14.610,000	14.610,000		

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

DVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020 (Chuẩn bị đầu tư)	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố		
	Tổng cộng					444.004,224	444.004,224		443.146,149	443.142,961	3.817,652	423.521,000
A	Thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán					1.500,000	1.500,000		1.500,000	1.500,000		1.500,000
B	Chuẩn bị đầu tư					20.000,000	20.000,000		20.000,000	20.000,000		20.000,000
C	Thực hiện dự án					298.904,000	298.904,000		298.045,925	298.042,737	3.817,652	278.420,776
I	Lĩnh vực Giao thông					212.035,000	212.035,000		207.405,165	207.401,977	2.199,592	199.178,650
1	Nâng cấp, sửa chữa cầu C247 thành phố Sóc Trăng	TPST	Mở rộng mặt cầu 12,5, thay thế lan can	2021-2022	Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	14.940,000	14.940,000	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.940,000	14.940,000	481,616	14.458,384
2	Nâng cấp, sửa chữa cầu 30/4 thành phố Sóc Trăng	TPST	Mở rộng mặt cầu 12,5, thay thế lan can	2021-2022	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.950,000	14.950,000	489,927	14.460,073
3	Cải tạo mặt đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Điện Biên Phủ), phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	Chiều dài tuyến: 200 m; Lớp bê tông nhựa C9.5, dày 5cm	2021-2022	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.100,000	1.100,000	Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.023,037	1.023,037	59,776	878,424
4	Cải tạo mặt đường Nguyễn Thị Minh Khai phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	Chiều dài tuyến: 520m, Lớp bê tông nhựa C9,5 dày 5cm	2021-2022	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	2.000,000	2.000,000	Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.795,243	1.795,243	0,000	1.677,260
5	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (Đoạn từ cầu C247 đến đường Nguyễn Chí Thanh) phường 6, phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8, P6	Chiều dài tuyến: 365m, Tươi nhựa đinh bóm, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m2	2021-2022	Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	3.200,000	3.200,000	Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.857,105	2.857,105	128,931	2.484,728

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020 (Chuẩn bị đầu tư)	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố		
6	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (Đoạn từ Ủy ban nhân dân Phường 5 đến Cây xăng Nam Sông Hậu), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	Chiều dài tuyến khoảng 1.800m, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm – Vạch sơn đường	2021-2022	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.300,000	14.300,000	Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	13.248,772	13.248,772	409,371	12.089,012
7	Cải tạo mặt đường Trần Văn Hòa phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến: 410m, Lớp bê tông nhựa C9,5 dày 5cm	2021-2022	Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.200,000	1.200,000	Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	985,643	985,643	60,737	861,557
8	Cải tạo mặt đường Đặng Văn Viễn (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đầu Hẻm 5), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến: 190m, Lớp bê tông nhựa C9,5 dày 5cm	2021-2022	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	610,000	610,000	Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	558,643	558,643	37,215	484,710
9	Cải tạo mặt đường Bà Triệu phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến: 330m, Lớp bê tông nhựa C9,5 dày 5cm	2021-2022	Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	900,000	900,000	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	805,593	805,593	53,615	701,156
10	Cải tạo mặt đường Kênh Xáng (đoạn từ đường Võ Đình Sâm đến đường Coluso), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến: 2.120m, Lớp bê tông nhựa C9,5 dày 5cm	2021-2022	Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	5.600,000	5.600,000	Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.166,795	5.166,795	249,059	4.916,941
11	Cải tạo mặt đường Kênh Hồ Nước Ngọt, phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	Láng nhựa Chiều dài tuyến: 1.570 mét, Công ngầm qua kênh 30 tháng 4: Công ngầm bê tông cốt thép 02 khoan	2021-2022	Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	6.500,000	6.500,000	Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.500,000	6.500,000	229,345	6.270,655
12	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo đoạn còn lại thành phố Sóc Trăng	TPST	Chiều dài tuyến dài khoảng: 755m, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2021-2025	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	7.600,000	7.600,000	Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	7.328,784	7.328,784	0,000	7.220,000
13	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Định Của (Đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2022-2025	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	11.750,000	11.750,000	Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	11.606,256	11.606,256	0,000	11.162,500
14	Cải tạo mặt đường Cao Thắng (đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết khán đài đua ghe ngo), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến khoảng: 650m, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2022-2025	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	6.900,000	6.900,000	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	6.900,000	6.900,000	0,000	6.555,000
15	Đường cấp kênh 30/4 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hộ đến Khu dân cư Minh Châu), phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	Chiều dài tuyến khoảng 750m, bề rộng mặt đường 10,5m ; Mặt đường láng nhựa đá dăm; chiếu sáng, thoát nước	2022-2025	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.975,000	14.975,000	Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	14.329,571	14.329,571	0,000	14.226,250
16	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Thủ Độ thành phố Sóc Trăng	TPST	tổng chiều dài tuyến 520m; bề rộng nền đường 7m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, Thoát nước, chiếu sáng	2022-2025	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	3.500,000	3.500,000	Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	3.314,307	3.314,307	0,000	3.325,000

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020 (Chuẩn bị đầu tư)	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố		
17	Nâng cấp Hẻm 962 (đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến km0+550m) phường 10, thành phố Sóc Trăng	P10	Chiều dài tuyến khoảng: L= 550m, bề rộng nền đường 14m kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa, Hệ thống chiếu sáng; Hệ thống thoát nước	2022-2025	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.980,000	14.980,000	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.939,340	14.939,340	0,000	14.231,000
18	Cải tạo nâng cấp hẻm 36 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hộ đến đường Kênh 30/4) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	Chiều dài tuyến: L= 322m; Mặt đường rộng: 8m, lề đường 1,5m x 2; thảm nhựa nóng BTNC hạt mịn dày 7cm; Tuyến nhánh Chiều dài tuyến: L = 60m; bê tông cốt thép dày 14cm	2022-2025	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	7.500,000	7.500,000	Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	6.626,075	6.626,075	0,000	7.125,000
19	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 9B Khu dân cư 9A) phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	Phần đường: tổng chiều dài tuyến 2000m, mặt đường phân xe chạy rộng 9m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, kê vạch tim đường	2022-2025	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.900,000	14.900,000	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.900,000	14.896,812	0,000	14.155,000
20	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspero (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	Mở rộng mặt bờ kè vị trí lồi lên xuống hiện hữu bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt; Lát mới nền đá granite nhám khô; Mở rộng mặt sân bờ kè rộng thêm 3,0m	2021-2025	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950,000	9.950,000	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	9.950,000	9.950,000	0,000	9.950,000
21	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Văn Bảy (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 30/4), phường 3 thành phố Sóc Trăng	TPST	Chiều dài tuyến: 1020m; Tải trọng: Mặt đường Láng nhựa, Sơn vạch kẻ đường; Làm mới hệ thống thoát nước, Làm mới vỉa hè	2021-2025		14.990,000	14.990,000		14.990,000	14.990,000		14.240,500
22	Cải tạo, nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ hẻm 129 đến đường Lê Duẩn), phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	Chiều dài tuyến: 1075m, bề rộng nền đường 18m Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2021-2025		9.400,000	9.400,000		9.400,000	9.400,000		8.930,000
23	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới 02 cầu đường Chông Chác, phường 5, thành phố Sóc Trăng	P5	Phần đường: Chiều dài tuyến: 5300m; Tải trọng: Trục 2,5 tấn; Vận tốc thiết kế: 40km/h; bề rộng nền đường 4,5m Phần cầu: Xây mới 2 cầu: cầu kênh 77 và cầu kênh 2/9.	2021-2025		7.000,000	7.000,000		7.000,000	7.000,000		6.650,000
24	Nâng cấp, mở rộng đường Văn Ngọc Chính (đoạn từ trường Tiểu học Lê Hồng Phong đến Cầu Tà Lách) thành phố Sóc Trăng	P3	Chiều dài tuyến: 840m, bề rộng nền đường 15m. Mặt đường láng nhựa, Sơn vạch kẻ đường; Làm mới hệ thống thoát nước, Làm mới vỉa hè	2021-2025		14.990,000	14.990,000		14.990,000	14.990,000		14.240,500

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020 (Chuẩn bị đầu tư)	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố		
25	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	Chiều dài tuyến: 1980m; Tải trọng: Trục 2,5 tấn; Vận tốc thiết kế: 40km/h. Bề rộng nền đường 4,5m	2021-2025		8.300,000	8.300,000		8.300,000	8.300,000		7.885,000
II	Lĩnh vực Giáo dục					18.700,000	18.700,000		18.697,512	18.697,512	544,871	13.952,129
1	Xây dựng Trường Tiểu học Lý Đạo Thành thành phố Sóc Trăng	TPST	xây mới khối 30 phòng học (01 trệt, 02 lầu) và các hạng mục phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.500,000	14.500,000	Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.497,512	14.497,512	544,871	13.952,129
2	Xây dựng công hàng rào, sân đường, nhà xe một số trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Hàng rào, sân đường, nhà xe	2021-2025		4.200,000	4.200,000		4.200,000	4.200,000		
III	Lĩnh vực Văn Hóa					22.299,000	22.299,000		22.272,740	22.272,740	388,256	21.378,794
1	Trang trí Cầu C247, Cầu 30 tháng 4, Cầu Maspero thành phố Sóc Trăng	TPST	Trang trí họa tiết	2021-2022	Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	12.200,000	12.200,000	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	12.173,740	12.173,740	388,256	11.784,744
2	Trang trí bờ kè và hệ lan can đèn Led nghệ thuật (đoạn từ cầu C247 đến cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	P1	Tổng chiều dài 673m, (bờ kè phía đường Điện Biên Phủ với chiều dài 346m, bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt với chiều dài 327m).	2022-2025	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	2.399,000	2.399,000		2.399,000	2.399,000	0,000	2.279,050
3	Xây dựng Công chào và trang trí các tuyến đường Phạm Hùng; đường 30 Tháng 4; đường Mạc Đĩnh Chi	TPST	Công chào đường 30 tháng 4 giáp Mỹ Xuyên; đường Phạm Hùng; đường Mạc Đĩnh Chi	2022-2025		7.700,000	7.700,000		7.700,000	7.700,000	0,000	7.315,000
IV	Lĩnh vực Quản lý nhà nước					16.620,000	16.620,000	-	15.753,571	15.753,571	98,061	15.765,939
1	XD Trụ sở Ban nhân dân khóm 3 phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	Trụ sở Ban nhân dân khóm: 88,5m2, Công - hàng rào	2021-2022	Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.500,000	1.500,000	Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.500,000	1.500,000	98,061	1.401,939
2	Cải tạo sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân phường 2, phường 3, phường 4 thành phố Sóc Trăng	P3, P4	Sơn bê tường trong, ngoài và hàng rào, thay tole chống dột, thay mới la phong, xử lý chống thấm; Ốp gạch chân tường cao 25cm	2021-2025	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	851,000	851,000	Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	851,000	851,000	0,000	808,450
3	Cải tạo sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân phường 9, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P9,10	Sơn bê đồng bộ toàn nhà, thay la phong trong WC, xử lý thấm trần, hộp gen, ốp chân tường 25cm.	2021-2025	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.513,000	1.513,000	Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	1.451,764	1.451,764	0,000	1.437,350



Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020 (Chuẩn bị đầu tư)	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố		
4	Cải tạo sửa chữa trụ sở các khóm trên địa bàn phường 6, phường 7, phường 8, phường 9, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P6,7,8,10	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	2021-2025	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	4.565,000	4.565,000	Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	4.098,439	4.098,439	0,000	4.336,750
5	Cải tạo sửa chữa trụ sở các khóm trên địa bàn phường 2, phường 3, phường 4, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4,5	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; xử lý chống dột; sơn các loại cửa sắt...	2021-2025	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.812,000	1.812,000	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	1.673,124	1.673,124	0,000	1.721,400
6	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đội phường 2, phường 3, phường 4 phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4,5	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	2021-2025	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	629,000	629,000	Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	629,000	629,000	0,000	597,550
7	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đội phường 7, phường 8, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P7,8,10	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; thay tole, la phong; thay gạch lát nền; xử lý chống dột; ...	2021-2025	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.030,000	1.030,000	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	830,243	830,243	0,000	978,500
8	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Sóc Trăng	P8	Cải tạo Khối hành chính (01 trệt, 01 lầu), khối phòng giáo viên (01 trệt), hội trường, khu vệ sinh, công hàng rào, sân đường, nhà xe, nạo vét hệ thống thoát nước	2021-2025	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	2.800,000	2.800,000		2.800,000	2.800,000	0,000	2.660,000
9	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thể Thao thành phố Sóc Trăng	P4	Cải tạo nhà thi đấu diện tích 1.391m ² , sân nội bộ, bồn hoa	2021-2025	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	1.920,000	1.920,000		1.920,000	1.920,000	0,000	1.824,000
V	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					20.450,000	20.450,000	0,000	25.116,938	25.116,938	586,872	19.345,264
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước các hẻm trên địa bàn phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	Mặt đường BTCT dày 8cm, Hệ thống thoát nước xây bằng gạch thê	2021-2022	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	2.880,000	2.880,000	Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.546,939	2.546,939	240,440	2.305,560
2	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước các hẻm trên địa bàn phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Mặt đường BTCT, HTTN dọc theo tuyến	2021-2022	Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	2.390,000	2.390,000	Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.390,000	2.390,000	215,593	2.174,407
3	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước hẻm 383 (đoạn còn lại) đường 30/4 phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9,10	Chiều dài toàn tuyến: 423,5 m, Mặt đường BTCT dày 8cm	2021-2022	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.150,000	1.150,000	Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.150,000	1.150,000	76,839	996,017
4	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước hẻm 308 đường Trần Hưng Đạo phường 10 thành phố Sóc Trăng	P10	Chiều dài tuyến: 273 m, Mặt đường BTCT dày 10 cm	2021-2022	Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	830,000	830,000	Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	830,000	830,000	54,000	718,898



Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020 (Chuẩn bị đầu tư)	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn phân cấp ngân sách thành phố		
5	Lắp đặt hệ thống đèn Led đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Ủy ban nhân dân phường 5 đến giáp đường Chông Chác), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	Tổng chiều dài tuyến: 2.200m, Lắp đặt 63 trụ kẽm mới cao 10m, với khoảng cách trụ là 35m, Lắp đặt 63 cần đơn cao 2m vươn xa 1,5m và 63 đầu đèn Led 150W	2021-2022	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	3.250,000	3.250,000	Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.250,000	3.250,000	0,000	3.200,382
6	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị công nghệ thông tin, cài tạo phòng họp thông minh	2021-2025	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950,000	9.950,000	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	14.949,999	0,000	9.950,000
VI	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn					8.800,000	8.800,000		8.800,000	8.800,000		8.800,000
1	Gia cố mái taluy kênh Nhân Lực (từ đường Mạc Đĩnh Chi đến kênh Cô Bắc), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	Tường chắn đất dài 23 mét đoạn giáp nôi bên phải tuyến với cống qua đường Mạc Đĩnh Chi bằng BTCT dày 25cm, móng dõng cọc BTCT 25x25 dài 8 mét	2021-2025		8.800,000	8.800,000		8.800,000	8.800,000		8.800,000
D	Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh tổng mức đầu tư			2021-2025		123.600,224	123.600,224		123.600,224	123.600,224		123.600,224

Phụ lục III

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố		
Tổng cộng						40.622,000	40.622,000		40.621,999	20.722,000		20.685,900
I	Lĩnh vực Giao thông					24.950,000	24.950,000		24.950,000	15.000,000		15.000,000
1	Xây dựng đường dân sinh cấp bờ kè sông Maspero phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến: 650 mét; Xây dựng 01 cầu giao thông...	2021-2025	Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	10.000,000	10.000,000	Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	10.000,000	10.000,000		10.000,000
2	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspero (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	L=658m, Hệ thống thoát nước; Bồn hjoa, bó via, Cầu tàu	2021-2025	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	14.950,000	5.000,000		5.000,000
II	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước					722,000	722,000		722,000	722,000		685,900
1	Cải tạo nâng cấp trụ sở Công an thành phố Sóc Trăng	P1	Hàng rào, bếp ăn và khu tập thể của cán bộ, chiến sĩ	2021-2025	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	722,000	722,000	Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	722,000	722,000		685,900
III	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					14.950,000	14.950,000		14.949,999	5.000,000		5.000,000
1	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	2021-2025	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	5.000,000		5.000,000

Phụ lục IV

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT
GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT		
	Tổng cộng					147.660,000	147.660,000		64.465,000	64.465,000		146.455,000
	Lĩnh vực Giáo dục					147.660,000	147.660,000		64.465,000	64.465,000		146.455,000
1	Xây dựng trường mẫu giáo Xuân - thành phố Sóc Trăng	TPST	Xây dựng Khối Hiệu bộ, khối 09 phòng học, nhà đa năng và các HM phụ trợ	2020-2021	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.900,000	14.900,000	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.900,000	14.900,000		14.540,000
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học phường 1 - thành phố Sóc Trăng	P1	Khối HC quản trị, 10 phòng học, phòng chức năng	2020-2021	Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.975,000	14.975,000	Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.975,000	14.975,000		14.425,000
3	Xây dựng trường Tiểu học phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	Khối hành chính quản trị và các HM phụ trợ	2020-2021	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.835,000	14.835,000		14.745,000

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tinh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tinh hỗ trợ từ nguồn XSKT		
4	Mở rộng 20 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Sóc Trăng	P1	XD khối 20 phòng học	2021-2025	Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	14.500,000	14.500,000	Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.500,000	14.500,000		14.485,000
5	Xây dựng khối hành chính quản trị trường THCS Lê Quý Đôn - thành phố Sóc Trăng	P4	XD khối hành chính quản trị	2021-2025	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	5.255,000	5.255,000	Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	5.255,000	5.255,000		5.180,000
6	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Lâm Thành Hưng, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P2	XD khối phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.950,000	14.950,000					14.950,000
7	Xây dựng 15 phòng học trường tiểu học phường 10 - thành phố Sóc Trăng	P10	XD khối 15 phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	11.015,000	11.015,000					11.015,000
8	Trường Mẫu giáo 1/6	P6	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	13.000,000	13.000,000					13.000,000
9	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Phú Lợi, phường 2 thành phố Sóc Trăng. Hạng mục: 6 phòng học	P2	XD khối phòng, khối HC quản trị	2021-2025	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 7/9/2021	14.975,000	14.975,000					14.975,000
10	Cải tạo trường Trung học cơ sở Dương Kỳ Hiệp, phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	Cải tạo khối phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	9.700,000	9.700,000					9.700,000

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tính hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tính hỗ trợ từ nguồn XSKT		
11	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Lê Hồng Phong, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	XD khối 8 phòng học	2021-2025	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	8.500.000	8.500.000					8.500.000
12	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	10.940.000	10.940.000					10.940.000



Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TỈNH HỖ TRỢ TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)



DVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn hóa giá nhà	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn hóa giá nhà		
	Tổng cộng					14.950,000	14.950,000		14.950,000	14.950,000		14.610,000
	Lĩnh vực Giao thông											
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo hướng đến Trà Tim thành phố Sóc Trăng	TPST	l=1505M, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2021-2025	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	14.950,000	14.950,000		14.610,000